TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 91/2024/DSPT Ngày 29 – 02 – 2024 V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và kiện đòi tài sản	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Khánh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Sâm và bà Nguyễn Thị Hạnh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Quỳnh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 443/2023/TLPT-DS ngày 22/11/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và kiện đòi tài sản".

Do có kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Lê N đối với Bản án sơ thẩm số 71/2023/DSST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 17/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Lê Lê N, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn TL, xã EY, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1990. Địa chỉ: 08 đường A12, xã CB, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Đào Ngọc M – Công ty Luật TNHH Luật sư HGA – Chi nhánh B. Địa chỉ: Số 80 đường T, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

*** Bị đơn:**

1. Ông Phạm Văn C, sinh năm 1989, vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1994 (Bà T ủy quyền cho ông C tham gia tố tụng), vắng mặt.

Cùng địa chỉ: 20A đường T, thị trấn PA, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Dương Lê S - Văn phòng Luật sư LS thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: Số 200/20/5 đường W, tổ dân phố 5, phường ET, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Viết T1, sinh năm 1960. Địa chỉ: Thôn TL, xã EY, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của ông T1: Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1990. Địa chỉ: 08 đường A12 xã Cư Êbur, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

**** Người kháng cáo:*** Nguyên đơn bà Lê Lê N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn nguyên đơn bà Lê Lê N và người đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Do có mối quan hệ quen biết với vợ chồng ông Phạm Văn C, bà Nguyễn Thị Thu T, trú tại 20A đường T, thị trấn PA, huyện KP. Nên từ năm 2019 đến năm 2021, bà N đã cho vợ chồng ông C, bà N vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

- Ngày 16/6/2019, ông C ký giấy vay 50.000.000 đồng của bà N. Thời hạn trả là ngày 16/7/2019.

- Ngày 26/3/2020, ông C, bà T ký giấy vay 70.000.000 đồng của bà N. Thời hạn trả là 60 ngày, từ ngày 26/3/2020 đến ngày 26/5/2020.

- Ngày 28/3/2020, ông C, bà T ký giấy vay 100.000.000 đồng của bà N. Thời hạn trả từ ngày 28/3/2020 đến ngày 28/4/2020.

- Ngày 21/5/2020, ông C ký giấy vay 59.000.000 đồng của bà N. Thời hạn trả từ ngày 21/5/2020 đến ngày 21/6/2020.

- Ngày 29/5/2020, ông C ký giấy vay 150.000.000 đồng của bà N. Thời hạn trả là 30 ngày, từ ngày 29/5/2020 đến ngày 29/6/2020.

- Ngày 15/6/2020, ông C ký giấy vay 20.000.000 đồng của bà N. Thời hạn trả từ ngày 15/6/2020 đến ngày 15/7/2020.

- Ngày 16/6/2020, ông C ký giấy vay 150.000.000 đồng của bà N. Thời hạn trả từ ngày 16/6/2020 đến ngày 16/7/2020.

- Ngày 18/6/2020 ông C ký giấy vay 50.000.000 đồng của bà N. Thời hạn trả từ ngày 18/6/2020 đến ngày 18/7/2020.

- Ngày 21/6/2020, ông C ký giấy vay 30.000.000 đồng cảu bà N. Thời hạn trả từ ngày 21/6/2020 đến ngày 21/7/2020.

- Ngày 16/7/2020 ông C ký giấy vay 100.000.000 đồng của bà N. Thời hạn trả từ ngày 16/7/2020 đến ngày 16/8/2020.

Các khoản vay trên hai bên đều không nêu mục đích vay và lãi suất; việc giao nhận tiền bằng hình thức tiền mặt, bà N đã giao đủ tiền cho ông C, bà T.

- Ngày 14/7/2020, ông C ký giấy vay 110.000.000 đồng của bà N. Theo hợp đồng mượn tiền thì không nêu mục đích vay mượn, lãi suất và thời hạn trả. Hình thức giao tiền mặt, bà N đã giao đủ tiền cho ông C.

Tổng số tiền gốc mà bà N đã cho vợ chồng ông C, bà T vay là 889.000.000đồng. Trong đó: Ông Phạm Văn C, bà Nguyễn Thị Thu T cùng vay tổng số tiền là 170.000.000 đồng; Riêng ông Phạm Văn C trực tiếp vay tổng số tiền là 719.000.000đồng.

Ngoài giao dịch vay mượn tiền mặt với nhau thì ông C, bà T còn mượn tiền của bà N thông qua giao dịch chuyển khoản. Tuy nhiên, việc mượn tiền thông qua chuyển khoản được ông C, bà T chuyển trả tiền đầy đủ nên không có liên quan.

Mặc dù, bà N đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông C, bà T trả nợ nhưng ông C, bà T không trả. Do đó bà N đã có đơn khởi kiện ông C, bà T đề nghị Tòa án buộc ông C, bà T phải trả cho bà N tổng số tiền 1.570.838.357 đồng (trong đó: 889.000.000 đồng tiền nợ gốc và 681.838.357 đồng tiền lãi suất phát sinh của các khoản vay).

Quá trình giải quyết vụ án, bà N thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau:

- Buộc ông Phạm Văn C, bà Nguyễn Thị Thu Thảo phải có trách nhiệm trả cho bà Lê Lê N tổng cộng là 258.802.494 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Trong đó: 170.000.000 đồng tiền gốc và 88.802.494 đồng tiền lãi (gồm: 2.019.178 đồng lãi trong hạn, 86.104.110 đồng lãi quá hạn, 679.206 đồng lãi chậm trả). Đồng thời ông C, bà T tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 26/9/2023 cho đến khi trả xong nợ.

- Buộc ông Phạm Văn C phải có trách nhiệm trả cho bà Lê Lê N tổng số tiền là 1.077.711.425 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Trong đó: 719.000.000 đồng tiền gốc và 358.711.425 đồng tiền lãi (gồm: 6.024.385 đồng lãi trong hạn, 350.728.768 đồng lãi quá hạn, 1.958.272 đồng lãi chậm trả). Đồng thời ông C tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 26/9/2023 cho đến khi trả xong nợ.

- Rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 234.324.438 đồng (do trước đó tính toán nhầm).

Đối với các giao dịch bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản Ngân hàng TMCP AC giữa ông Phạm Văn C (tài khoản số 8158557) với bà Lê Lê N (tài khoản số 6320637) từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2021 thì có một số khoản tiền bà nhờ ông C nhận hộ do bà N vay tiền từ Ngân hàng TMCP CT (Vietinbank) nhưng tại cấp sơ thẩm nguyên đơn không có cung cấp được chứng cứ chứng minh.

**** Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:***

Ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị Thu T quen biết với bà Lê Lê N từ năm 2019. Do cần tiền để làm ăn nên ông C, bà T đã nhiều lần vay tiền của bà Lê Na

Na. Khi gặp bà N thì bà nói chỉ cho vay nóng lãi suất 2000đồng/1.000.000đồng/ngày.

Ngày 16/6/2019, ông C vay của bà N 50.000.000đồng. Tuy nhiên khoản vay này ông C đã trả đủ cả tiền gốc và lãi. Việc trả tiền ông C đã nhờ anh Sang (người làm công cho ông C) mang tiền đến trả trực tiếp cho bà N vào ngày 28/01/2020, với số tiền là 100.000.000đồng (có giấy xác nhận của bà Lê Na) nên sau đó bà N mới tiếp tục cho ông C vay tiếp.

Năm 2020, ông C và bà T vay của bà N nhiều lần. Cụ thể:

- Ngày 26/3/2020, vợ chồng ông C, bà T ký vay 70.000.000 đồng và ngày 28/3/2020 tiếp tục vay 100.000.000 đồng; 02 khoản vay này đều giao tiền mặt; lãi suất là 2000đồng/1.000.000đồng/ngày. Đối với 2 khoản vay này, trong năm 2020 ông C, bà T đã trả đủ cả gốc và lãi cho bà N bằng hình thức chuyển khoản vào Ngân hàng TMCP AC tài khoản số 6320637 của bà N, (trả tiền sau ngày vay).

- Các khoản vay do ông C trực tiếp vay bà N vào năm 2020 có đánh dấu "*" trên đầu (ngày 21/5/2020 vay 59.000.000 đồng, ngày 29/5/2020 vay 150.000.000 đồng, ngày 15/6/2020 vay 20.000.000 đồng, ngày 16/06/2020 vay 150.000.000 đồng, ngày 18/06/2020 vay 50.000.000 đồng, ngày 21/06/2020 vay 30.000.000 đồng, ngày 14/07/2020 vay 110.000.000 đồng, ngày 16/07/2020 vay 100.000.000 đồng) thì vào ngày 21/9/2020 bà N yêu cầu ông C đến nhà bà N ký vào các hợp đồng mượn tiền đề ngày: 21/5/2020, 29/5/2020, 15/6/2020, 16/6/2020, 18/6/2020, 21/6/2020, 14/7/2020, 16/7/2020. Các khoản vay này được ông C ký cùng lúc, cùng thời điểm. Mục đích ký là để bà N cho vay tiếp chứ các khoản vay này cũng đều được bà N cho vay dưới hình thức chuyển khoản ngân hàng cho ông C. Riêng khoản vay 30.000.000 đồng ngày 21/6/2020 do ngân hàng chậm chuyển nên tiền báo về tài khoản của ông C vào ngày 22/6/2020.

Các giấy vay đề ngày 21/5/2020, 29/5/2020, 15/6/2020, 16/06/2020, 18/06/2020, 21/06/2020, 14/07/2020, 16/07/2020 đều ghi là "tiền mặt" nhưng thực tế các khoản vay này đều được bà N chuyển khoản từ tài khoản số 6320637 (mang tên bà Lê Lê N mở tại Ngân hàng TMCP AC) vào tài khoản số 8158557 (mang tên Phạm Văn C mở tại Ngân hàng TMCP AC). Ông C khẳng định không có việc vay mượn bằng tiền mặt (các lần vay này đều có đánh dấu *, có file ghi âm giữa ông C với bà N trao đổi trực tiếp với nhau). Các lần chuyển tiền ngày 15/6/2020, ngày 16/06/2020, ngày 18/06/2020, ngày 21/06/2020, ngày 14/07/2020, ngày 16/07/2020 là trùng khớp với số tiền ghi trên giấy vay mà bà N khởi kiện. Riêng ngày 21/5/2020 giấy vay 59.000.000 đồng nhưng bà N chuyển khoản cho ông C là 58.900.000 đồng.

Các khoản vay do ông C trực tiếp ký vay bà N thì bà Nguyễn Thị Thu T không biết, không có liên quan gì.

Căn cứ và sao kê của Ngân hàng giao dịch giữa tài khoản của bà Lê Lê N và Phạm Văn C tại ngân hàng AC thì ông C xác định trong thời gian từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2021 hai bên chuyển khoản qua lại như sau:

- Bà N đã chuyển khoản cho ông C tổng cộng là 45 lần, với tổng số tiền là 3.595.340.000 đồng. Trong đó:

+ Năm 2020, bà N chuyển khoản cho ông C 3.580.340.000 đồng (trong số tiền này thì bà N nhờ ông C rút hộ 252.000.000 đồng, bà N trả tiền mà đã mượn là 66.240.000đồng, bà N chuyển khoản cho ông C vay là 3.277.100.000đồng);

+ Năm 2021, bà N chuyển khoản cho ông C vay 15.000.000đồng.

- Ông C chuyển khoản trả cho bà N với tổng số lần giao dịch là 121 lần để trả tiền gốc và lãi cho bà N với tổng số tiền là 5.052.798.000đồng (trong đó năm 2020 chuyển khoản tổng cộng là 4.517.198.000đồng, năm 2021 chuyển khoản tổng cộng là 535.600.000đồng). Như vậy, ông C đã chuyển dư so với số tiền bà N chuyển khoản cho ông C vay.

Do đó, bị đơn ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị Thu T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

**** Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Viết T1 và người đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Ông Nguyễn Viết T1 là chồng của bà Lê Lê N. Tại thời điểm ông C, bà T vay tiền của bà N thì ông T1 có biết việc bà N cho ông C, bà T vay tiền. Tuy nhiên, tiền bạc trong gia đình ông T1 giao cho bà N quản lý, sử dụng nên ông T1 đồng ý cho vay và không có ý kiến gì. Ông Nguyễn Viết T1 hoàn toàn đồng ý với toàn bộ nội dung khởi kiện của bà Lê Lê N đối với ông Phạm Văn C, bà Nguyễn Thị Thu T tại Tòa án. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 71/2023/DS-ST ngày 25/9/2023 của Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015.

- Căn cứ Điều 24, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Lê N đối với ông Phạm Văn C, bà Nguyễn Thị Thu T về việc:

- Buộc ông Phạm Văn C, bà Nguyễn Thị Thu Thảo phải có trách nhiệm trả cho bà Lê Lê N tổng số tiền là 258.802.494 đồng (Hai trăm năm mươi tám triệu tám trăm lẻ hai nghìn bốn trăm chín mươi bốn đồng) tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/9/2023). Trong đó: 170.000.000 đồng tiền gốc và 88.802.493 đồng tiền lãi (bao gồm 2.019.178 đồng lãi trong hạn, 86.104.110 đồng lãi quá hạn, 679.206

đồng lãi chậm trả). Đồng thời ông C, bà T tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 26/9/2023 cho đến khi trả xong nợ.

- Buộc ông Phạm Văn C phải có trách nhiệm trả cho bà Lê Lê N đối tổng số tiền 1.077.711.425 đồng (Một tỷ không trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm mười một nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng) tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/9/2023). Trong đó: 719.000.000 đồng tiền gốc và 358.711.425 đồng tiền lãi (bao gồm 6.024.385 đồng lãi trong hạn, 350.728.767 đồng lãi quá hạn, 1.958.272 đồng lãi chậm trả). Đồng thời ông C tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 26/9/2023 cho đến khi trả xong nợ.

[2] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Lê N đối với số tiền 234.324.438 đồng (Hai trăm ba mươi bốn triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng) mà bà N không yêu cầu ông Phạm Văn C, bà Nguyễn Thị Thu T phải trả cho bà do bà tính toán nhầm.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

*** Kháng cáo:** Ngày 06/10/2023, ông Nguyễn Thanh Đ là người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Na Na kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích lập luận, Đại diện viện kiểm sát cho rằng cấp sơ thẩm chưa làm rõ nội dung chuyển khoản giữa bà N với ông C, đồng thời tại cấp phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp thêm các tài liệu mới liên quan đến việc chồng bà N là ông Nguyễn Viết T1 đã chuyển tiền cho ông C nhận giùm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 71/2023/DS-ST ngày 25/9/2023 của Toà án nhân dân huyện KP, tỉnh Đắk Lắk, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Lê N được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Do có mối quan hệ quen biết với nhau nên từ năm 2019 đến năm 2021 giữa bà Lê Lê N và vợ chồng ông Phạm Văn C, bà Nguyễn Thị Thu T đã vay tiền nhau nhiều lần bằng hình thức chuyển khoản và tiền mặt.

Theo đơn khởi kiện, bà N khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn C, bà Nguyễn Thị Thu T trả 170.000.000 đồng nợ gốc (trong đó: 70.000.000 đồng vay ngày 26/3/2020 và 100.000.000 đồng vay ngày 28/3/2020) và tiền lãi phát sinh. Và yêu cầu ông Phạm Văn C phải trả 719.000.000đồng nợ gốc (trong đó: 50.000.000 đồng vay ngày 16/6/2019; 59.000.000 đồng vay ngày 21/5/2020; 150.000.000 đồng vay ngày 29/5/2020; 20.000.000 đồng vay ngày 15/6/2020; 150.000.000 đồng vay ngày 16/6/2020; 50.000.000 đồng vay ngày 18/6/2020; 30.000.000 đồng vay ngày 21/6/2020; 100.000.000 đồng vay ngày 16/7/2020; 110.000.000 đồng vay ngày 14/7/2020 và tiền lãi phát sinh của các khoản vay nêu trên. Các khoản vay nêu trên bà N đều cho ông C, bà T bằng hình thức giao tiền mặt.

Trong khi đó bị đơn lại cho rằng, đối với các khoản vay 70.000.000 đồng ngày 26/3/2020 và 100.000.000 đồng vay ngày 28/3/2020 là vay tiền mặt. Còn các khoản vay vào năm 2020 cụ thể các ngày 21/5, 29/5, 15/6, 16/06, 18/06, 21/06, 14/07, 16/07 mặc dù ghi trên giấy mượn tiền ghi cho vay "tiền mặt" nhưng thực tế các khoản vay này đều được bà N chuyển khoản từ tài khoản số 6320637 (mang tên bà Lê Lê N mở tại Ngân hàng TMCP AC) vào tài khoản số 8158557 (mang tên Phạm Văn C mở tại Ngân hàng TMCP AC). Sau đó, bà N yêu cầu ông C viết lại giấy vay để hợp thức hóa, bà N mới cho ông C vay tiền tiếp nên ông C viết giấy mượn tiền và ký cùng một lần. Các khoản vay nêu trên ông C, bà T đã trả đủ cho bà N 100.000.000 đồng tiền mặt (nhờ anh Sang đưa hộ và bà N đã viết giấy xác nhận) phần còn lại ông C đã trả bằng hình thức chuyển khoản và chuyển nhiều lần cho bà N.

Hội đồng xét xử thấy rằng, đối với khoản vay 50.000.000 đồng ngày 16/6/2019 thì ông C cho rằng đã nhờ ông Sang là người làm công cho gia đình ông C đưa tiền trực tiếp cho bà N, sau đó bà N đã viết giấy xác nhận ngày 28/01/2020. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bà N không thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy xác nhận này là do bà N ký và viết ra nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết trong giấy xác nhận ngày 28/01/2020 có phải là của bà N hay không, cũng không triệu tập người làm chứng là ông Sang tham gia tố tụng để làm rõ nội dung này mà đã xác định ông C đã trả khoản nợ này cho bà N để bác đơn khởi kiện của nguyên đơn là chưa đủ căn cứ.

Tại bản sao kê toàn bộ lịch sử giao dịch nhận tiền – chuyển tiền giữa tài khoản số 6320637 (mang tên bà Lê Lê N mở tại Ngân hàng TMCP AC) và tài khoản số 8158557 (mang tên Phạm Văn C mở tại Ngân hàng TMCP AC) thể hiện: Ngày 16/10/2020, bà N chuyển khoản 250.000.000 đồng cho ông C ghi nội dung "Chien rut ho chi Na", nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ đối với khoản này

thì ông C đã rút hộ bà N chưa? Chứng cứ liên quan như thế nào. Mặt khác, tại cấp phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Viết T1 cung cấp thêm các tài liệu, chứng cứ mới thể hiện trong khoảng thời gian từ ngày 16/4/2020 đến ngày 06/8/2020 ông T1 nhiều lần chuyển khoản cho ông C, trong đó một số khoản tiền mà ông T1 chuyển cho ông C trùng khớp với số tiền mà ông C chuyển cho bà N (ghi với nội dung nhận hộ), cụ thể:

- Ngày 16/4/2020, ông C chuyển khoản cho bà N số tiền 150.000.000 đồng với nội dung "em chien chuyen chi na nho nhan ho";

- Ngày 16/6/2020 ông C chuyển khoản cho bà N số tiền 190.000.000 đồng với nội dung "em chien nhan ho chi na";

- Ngày 10/7/2020, ông C chuyển khoản cho bà N 35.000.000 đồng với nội dung "em chien nhan ho chi na 100tr chi na muon luc sang 65t con lai 35tr".

Đồng thời, tại cấp phúc thẩm, ông Nguyễn Viết T1 đề nghị Tòa án xem xét khấu trừ số tiền mà ông T1 đã chuyển khoản cho ông C để buộc ông C phải trả nợ cho bà N vì đây là tài sản chung của ông T1, bà N.

Như vậy, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ một số nội dung là thiếu sót, đồng thời tại cấp phúc thẩm phát sinh chứng cứ mới có liên quan đến nội dung vụ án chưa được xem xét giải quyết, mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Do đó, để giải quyết triệt để, toàn diện vụ án thì cần phải hủy toàn bộ án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được xác định lại khi giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên nguyên đơn bà Lê Lê N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Lê N – Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2023/DS-ST ngày 25/9/2023 của Toà án nhân dân huyện KP, tỉnh Đắk Lắk và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về án phí sơ thẩm:

Sẽ được xác định lại khi giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Lê Lê N không phải chịu án dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà N số tiền đã nộp tạm ứng 300.000 đồng (do ông Nguyễn Thanh Đ đã nộp thay) theo Biên lai thu số AA/2022/0003340 ngày 09/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện KP, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện KP;
- CCTHADS huyện KP;
- Đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Hoàng Kim Khánh